

Thứ ba, ngày 22 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Nhịp hồi phục nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/10/2019	•		
Tuần 21/10-25/10/2019	•		
Tháng 10/2019	•		

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên điều chỉnh hôm qua, thị trường đã hồi phục vào phiên sáng nhờ sự tăng điểm từ nhóm cổ phiếu Bluechips như VCB, VJC, HPG. Đà hồi phục kéo dài đến hết phiên chiều với sự đóng góp thêm của nhóm ngân hàng và bất động sản. Thị trường có phiên giao dịch đồng thuận với xu hướng trong khu vực khi có thông tin tích cực về đàm phán thương mại Hoa Kỳ-Trung Quốc. Thứ trưởng ngoại Trung Quốc cho biết nước này đã đạt được một số tiến triển trong các cuộc đàm phán thương mại với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, việc thanh khoản thị trường vẫn không đổi so với phiên trước cùng với biên độ dao động ở mức thấp cho thấy tâm lý đại đa số nhà đầu tư vẫn đang ở trạng thái cẩn trọng. BSC duy trì quan điểm biên độ dao động của thị trường sẽ tiếp tục nằm trong vùng 980-1000 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2006, các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/10/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm. DPM vận động điều chỉnh giảm trong những phiên gần đây sau khi không vượt qua được 15.5. Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận với tín hiệu giảm ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của DPM có thể tạo áp lực giảm với giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngân hàng 0.9%. 8/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó có 5/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.4%). Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 0.9%.

Phân tích kỹ thuật: DGW_Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **TCM, KDH, TNG, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.63 điểm**, đóng cửa 987.19. HNX-Index **+0.48 điểm**, đóng cửa 104.49.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.31); SAB (+1.30); BID (+0.70); VJC (+0.62); HVN (+0.42).**
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.57); VHM (-0.49); MSN (-0.21); TCH (-0.10); VIC (-0.10).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,159 tỷ đồng**, không đổi so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.07 điểm. Thị trường có 151 mã tăng, 67 mã tham chiếu và 152 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **22.08 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (23.3 tỷ), KBC (18.6 tỷ) và VJC (17.6 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **21.74 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng**Trần Thắng Long**

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường**Bùi Nguyên Khoa**

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest**Lương Minh Hiển**

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	987.19
-----------------	---------------

Giá trị: 3159.2 tỷ	3.63 (0.37%)
--------------------	--------------

Khối ngoại (ròng): 22.08 tỷ

HNX-INDEX	104.49
------------------	---------------

Giá trị: 278.06 tỷ	0.48 (0.46%)
--------------------	--------------

Khối ngoại (ròng): -21.74 tỷ

UPCOM-INDEX	56.78
--------------------	--------------

Giá trị: 167.87 tỷ	0.18 (0.32%)
--------------------	--------------

Khối ngoại(ròng): 1.58 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.4	0.19%
Giá vàng	1,487	0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,206	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,872	-0.14%
Tỷ giá JPY/VND	21,373	0.02%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	-0.50%
LS TPCP 5 năm	2.7%	-2.68%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	23.3	VHM	-20.6
KBC	18.6	NET	-19.5
VJC	17.7	MSN	-17.7
VCB	11.4	POW	-8.6
HPG	7.4	GTN	-8.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
[Bản công bố rủi ro](#)

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
[Video giới thiệu danh mục Chủ đề](#)

[Link](#)
[Link](#)

* 8/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó có 5/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.4%). Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khảm vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **10/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **5/7 danh mục** Khảm vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục													
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm							
Chủ đề (Click để xem báo cáo)														
Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề														
Ngân hàng	0.9%	-2.2%	3.6%	9.3%	12.4%	7.1%	82.2%							
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.6%	-1.4%	-0.3%	-8.2%	-11.0%	-15.7%	40.6%							
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.4%	-1.3%	3.6%	5.6%	5.9%	-1.5%	38.0%							
Vật liệu Xây dựng	0.4%	0.8%	4.3%	2.3%	7.1%	1.9%	5.2%							
Hàng tiêu dùng	0.4%	-0.8%	0.1%	4.8%	9.7%	8.7%	64.6%							
BDS & Khu công nghiệp	0.4%	-0.8%	-0.1%	0.6%	3.3%	0.8%	59.1%							
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	-1.4%	0.1%	9.1%	16.3%	8.3%	80.4%							
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	-1.5%	0.5%	4.0%	8.8%	5.1%	70.3%							
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	-0.5%	-0.8%	-1.5%	0.0%	4.8%	76.2%							
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	-1.1%	-0.6%	5.7%	13.0%	11.0%	91.0%							
Lãi suất giảm	-0.2%	-1.4%	1.3%	-1.0%	2.4%	0.2%	50.3%							
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.3%	-0.5%	2.9%	0.1%	-0.5%	-6.8%	-5.5%							
Dầu khí	-0.3%	-0.7%	-3.9%	-6.9%	-6.7%	-10.5%	7.6%							
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.3%	-0.5%	0.2%	-6.3%	-2.7%	10.5%	45.3%							
Nước & Năng lượng	-0.4%	-1.6%	-3.4%	-3.8%	-1.0%	5.6%	49.3%							
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-0.6%	0.3%	-5.5%	-3.8%	-4.4%	6.0%							
Xây dựng	-1.4%	-4.0%	-3.4%	-3.4%	-6.7%	-14.5%	22.4%							
Mục tiêu														
Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.														
Danh mục 5	1.0%	1.0%	0.9%	3.3%	5.3%	0.6%	76.2%							
Danh mục 9	0.8%	-0.7%	-0.4%	4.2%	9.5%	6.9%	55.6%							
Danh mục 3	0.4%	-0.9%	-0.8%	1.7%	0.7%	-5.9%	27.3%							
Danh mục 17	-0.7%	-1.4%	1.6%	-2.2%	2.3%	9.2%	127.3%							
Danh mục 12	-0.8%	-1.9%	-2.1%	3.9%	9.6%	11.6%	103.8%							
* Note	10/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan													
Khảm vị Rủi ro														
Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.														
Danh mục 21	0.7%	-1.6%	-0.3%	3.5%	8.2%	0.9%	41.9%							
Danh mục 22	0.4%	-2.4%	-0.4%	9.6%	16.4%	9.5%	75.5%							
Danh mục 24	0.3%	-0.6%	0.5%	3.6%	11.1%	6.1%	67.2%							
Danh mục 19	-0.3%	-0.9%	3.0%	7.7%	13.7%	16.1%	60.6%							
Danh mục 25	-0.4%	-1.7%	-0.7%	-2.2%	10.1%	21.7%	162.6%							
* Note	5/7 danh mục Khảm vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan													

INDEX

VNINDEX	0.4%	-0.6%	0.1%	-0.1%	2.0%	1.6%	44.7%
VN30INDEX	0.3%	-0.7%	0.8%	3.3%	4.4%	-3.1%	40.0%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

B S C R E S E A R C H

10/22/2019

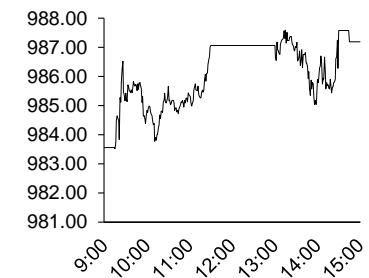
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khanh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

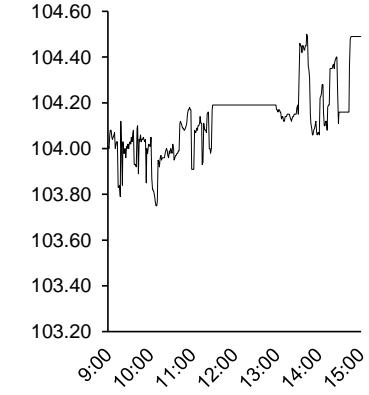
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-4.0%
Ô tô và phụ tùng	-1.9%
Hóa chất	-0.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Dầu khí	-0.3%
Bất động sản	-0.1%
Công nghệ Thông tin	0.0%
Bảo hiểm	0.0%
Viễn thông	0.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.0%
Bán lẻ	0.1%
Dịch vụ tài chính	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.3%
Xây dựng và Vật liệu	0.3%
Y tế	0.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4%
Ngân hàng	1.0%
Tài nguyên Cơ bản	1.7%
Du lịch và Giải trí	2.7%

Nguồn: FinPro

Phân tích kỹ thuật

DGW_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: DGW đã tăng giá trở lại sau khi tích lũy ngắn hạn tại khu vực 24.5 - 25. Thanh khoản cổ phiếu tăng đồng thuận với những phiên tăng điểm. Hơn nữa, các chỉ báo kỹ thuật đang ở trạng thái tích cực, trong đó RSI chưa chạm đến vùng quá mua, cho thấy dư địa tăng trong ngắn hạn vẫn còn nhiều. Bên cạnh đó, MACD cũng đang chuẩn bị xuất hiện Golden Cross càng làm củng cố thêm cho trạng thái tích cực hiện nay của cổ phiếu này. Dự kiến DGW có thể quay về vùng đỉnh cũ tại xung quanh giá 28 trước khi hướng tới các mục tiêu cao hơn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 22/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 22/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.40	-0.76%	-0.34%	-9.25%	-22.78%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.97	-0.77%	-0.63%	-9.27%	-26.13%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.61	-0.91%	-1.72%	-5.30%	-15.85%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1484.68	-0.50%	-0.34%	-0.98%	21.09%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.58	0.31%	0.19%	-1.11%	20.42%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	933.55	-0.24%	-0.76%	4.57%	8.71%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	522.27	-1.83%	2.21%	8.13%	2.81%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.66	0.16%	0.38%	2.19%	20.15%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	148.90	-0.07%	-1.13%	-9.87%	0.34%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.29	-0.24%	-2.00%	9.36%	-11.22%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.24	0.00%	3.18%	4.85%	-3.57%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	96.00	0.31%	1.21%	-3.03%	-18.40%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.63	0.34%	0.21%	1.33%	-5.22%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3435.00	0.94%	-4.18%	-9.84%	-23.75%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1738.00	0.64%	-0.86%	-2.66%	-13.23%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	85.50	0.00%	-5.52%	-8.06%	14.77%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.37	0.83%	1.92%	0.39%	-37.49%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 46 US cent, tương đương 0.8%, xuống 58.96 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 11 giảm 47 US cent, tương đương 0.9% xuống 53.31 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong phiên vừa qua sau khi một quan chức Mỹ có bình luận hàm ý lo ngại về cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, làm giá tăng quan ngại rằng kinh tế toàn cầu suy yếu sẽ khiến nhu cầu dầu giảm sút. Mặc dù Tổng thống Mỹ Donald Trump thông báo sẽ ký thỏa thuận khi gặp Chủ tịch Trung Quốc tại hội nghị APEC vào tháng 11 tới, song Bộ trưởng Thương mại Mỹ lại nói rằng thỏa thuận thương mại giai đoạn đầu chưa cần được hoàn tất vào tháng tới.
- Về nguồn cung, Nga - nước sản xuất dầu lớn thứ 2 thế giới - ngày 21/10 cho biết sản lượng dầu của họ trong tháng 9/2019 không tương đương mức cam kết (với OPEC về cắt giảm sản lượng) bởi đã tăng sản lượng khí tự nhiên ngưng tụ trước khi mùa Đông đến.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.3% xuống 1,485.03 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,488.1 USD/ounce.
- Giá vàng giảm trong phiên giao dịch đêm qua do giới đầu tư hứng thú trở lại với những tài sản rủi ro cao, giữa bối cảnh các nhà đầu tư chờ đợi để có thêm manh mối về việc Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) trong năm nay có cắt giảm lãi suất thêm nữa hay không. Sở dĩ những tài sản rủi ro trở nên hút tiền bởi giới đầu tư kỳ vọng cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung sớm tìm ra giải pháp để kết thúc, và nước Anh cũng có được thỏa thuận để rời EU.

Giá thép

- Trên sàn Thượng Hải, thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 0.09% xuống 3,290 CNY (455.06 USD)/tấn, thép cuộn cán nóng giảm 0.03% xuống 3,285 CNY/tấn.
- Giá thép trên thị trường Trung Quốc giảm phiên thứ 2 liên tiếp bởi dự đoán tiêu thụ sẽ chậm lại trong khi sản lượng từ các nhà máy vẫn gia tăng.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 0.05 US cent, tương đương 0.41%, xuống 12.27 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 1.4 USD tương đương 0.1% lên 337.3 USD/tấn. Tiền Brazil (real) yếu đi kích thích các nhà sản xuất đường ở nước này tăng cường bán ra vì tính theo USD sẽ có lợi hơn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo kỳ hạn tháng 3/2020 đóng cửa giảm 0.2 JPY xuống 165.8 JPY (1.53 USD)/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 45 CNY lên 11,725 CNY (1,659 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo - tham chiếu cho toàn thị trường Châu Á - giảm vào lúc đóng cửa phiên giao dịch vừa qua mặc dù tăng ở đầu phiên. Nguyên nhân bởi lo ngại về sự suy yếu kinh tế toàn cầu sau những số liệu không lạc quan từ phía Trung Quốc. Kinh tế Trung Quốc quý 3/2019 tăng trưởng chậm hơn dự đoán, ở mức thấp nhất trong vòng gần 3 thập kỷ do cuộc chiến thương mại với Mỹ ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất của các nhà máy.

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	123.1	0.2%	0.7	2,370	1.5	7,893	15.6	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	83.0	1.2%	1.0	803	2.7	4,839	17.2	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.5	-0.4%	1.3	2,148	0.4	1,505	46.8	3.2	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.2	2.5%	0.7	334	0.3	2,725	12.2	1.1	54.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	116.8	-0.1%	1.1	16,992	0.9	1,643	71.1	4.7	15.1%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.9	0.0%	1.1	3,230	2.1	1,033	30.9	2.6	31.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.5	0.3%	0.8	2,447	0.8	3,579	16.9	2.8	7.5%	17.8%
REE	Bất động sản	36.1	-1.8%	1.0	486	0.9	5,261	6.9	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.8	1.0%	1.4	363	1.0	3,215	4.9	1.0	46.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	20.9	0.5%	1.4	462	1.0	1,737	12.0	1.1	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.4	0.3%	1.0	246	0.0	5,067	6.8	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.1	-0.5%	1.5	294	0.6	1,287	17.2	1.6	56.1%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.3	-0.4%	0.8	1,660	3.7	4,349	12.9	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.4	0.2%	1.5	8,438	0.5	6,066	16.7	4.4	3.6%	26.9%
PLX	Dầu khí	57.5	0.0%	1.5	2,977	0.3	3,350	17.2	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.0	-2.2%	1.7	374	1.6	2,397	7.5	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.5	0.0%	0.8	1,281	0.8	1,163	8.2	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	2.2%	0.5	534	0.1	4,535	20.7	3.9	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.1	-3.8%	0.7	240	0.6	650	21.7	0.7	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.5	-1.2%	0.6	173	0.2	897	8.4	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	85.4	1.4%	1.3	13,771	1.7	5,270	16.2	3.9	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.0	1.8%	1.5	5,946	1.0	2,091	19.1	2.5	3.4%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.6	1.6%	1.6	3,497	1.8	1,470	14.7	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.9	-0.5%	1.2	2,339	6.1	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.9	0.9%	1.1	2,268	2.1	3,215	7.1	1.4	21.6%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.5	0.4%	1.1	1,657	1.7	4,469	5.3	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.8	2.3%	0.9	191	0.4	5,017	10.7	1.8	79.1%	17.1%
NTP	Nhựa	37.6	1.3%	0.3	146	0.1	4,603	8.2	1.4	20.9%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	1.2%	1.2	649	0.0	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.6	1.9%	1.0	2,593	3.8	2,760	7.8	1.4	37.5%	19.9%
HSG	Thép	7.2	7.0%	1.5	132	1.1	425	16.9	0.6	17.0%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	132.5	-0.8%	0.8	10,032	8.1	5,465	24.2	8.1	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	251.9	2.8%	0.8	7,023	0.2	6,735	37.4	9.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	74.4	-0.8%	1.2	3,781	1.4	3,304	22.5	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.4	-1.6%	0.5	468	1.1	445	41.3	1.7	5.9%	3.9%
ACV	Vận tải	77.7	0.3%	0.8	7,355	0.1	2,630	29.5	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.9	2.8%	1.1	3,277	2.8	9,850	14.6	5.6	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	35.3	2.9%	1.7	2,174	0.5	1,747	20.2	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.7	0.8%	0.8	345	0.4	1,888	14.1	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.5	-0.6%	0.6	201	0.2	2,435	6.8	1.1	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.5	3.3%	0.9	603	1.5	7,667	11.5	4.5	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.9	-1.0%	0.8	368	0.1	1,327	14.2	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	0.3%	0.8	266	0.1	1,912	8.4	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	82.8	-3.4%	0.7	275	0.4	9,842	8.4	0.8	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.1	509	0.3	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.4	-2.4%	0.5	263	0.4	387	63.1	1.2	52.0%	1.9%
POW	Điện	13.1	-0.8%	0.6	1,329	1.4	820	15.9	1.2	14.3%	7.8%
NT2	Điện	23.3	0.0%	0.6	292	0.1	2,721	8.6	1.6	19.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	85.40	1.43	1.31	473090.00
SAB	251.90	2.82	1.31	22480.00
BID	40.00	1.78	0.71	566150.00
VJC	143.90	2.79	0.62	451730.00
HVN	35.25	2.92	0.42	311610.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.50	0.43	0.17	1.66MLN
SHB	6.60	1.54	0.11	1.43MLN
VCS	88.50	3.27	0.09	399000.00
DNP	17.00	7.59	0.08	61600.00
MBG	42.30	9.87	0.08	584500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	132.50	-0.82	-0.57	1.40MLN
VHM	86.00	-0.58	-0.49	350630.00
MSN	74.40	-0.80	-0.21	431650.00
TCH	22.80	-4.00	-0.10	2.34MLN
VIC	116.80	-0.09	-0.10	175690.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	18.00	-2.17	-0.10	2.00MLN
HHC	119.00	-4.42	-0.05	74400.00
NET	35.50	-9.21	-0.03	100.00
HUT	2.50	-3.85	-0.02	1.02MLN
KLF	1.30	-7.14	-0.02	3.84MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HSG	7.19	6.99	0.06	3.58MLN
BTT	36.80	6.98	0.01	2000.00
PIT	4.60	6.98	0.00	20.00
HVG	3.23	6.95	0.01	1.79MLN
CCL	6.95	6.92	0.01	127150.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	1.00	11.1	0.00	585800.00
HLD	13.30	9.9	0.01	122900.00
MBG	42.30	9.9	0.08	584500.00
FDT	35.70	9.9	0.00	100.00
IDJ	7.90	9.7	0.02	990600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	55.80	-7.00	-0.04	218030.00
ASP	7.40	-6.92	-0.01	94760.00
CMX	20.90	-6.90	-0.01	18320.00
TS4	4.46	-6.89	0.00	80810.00
FLC	4.61	-6.87	-0.07	46.84MLN

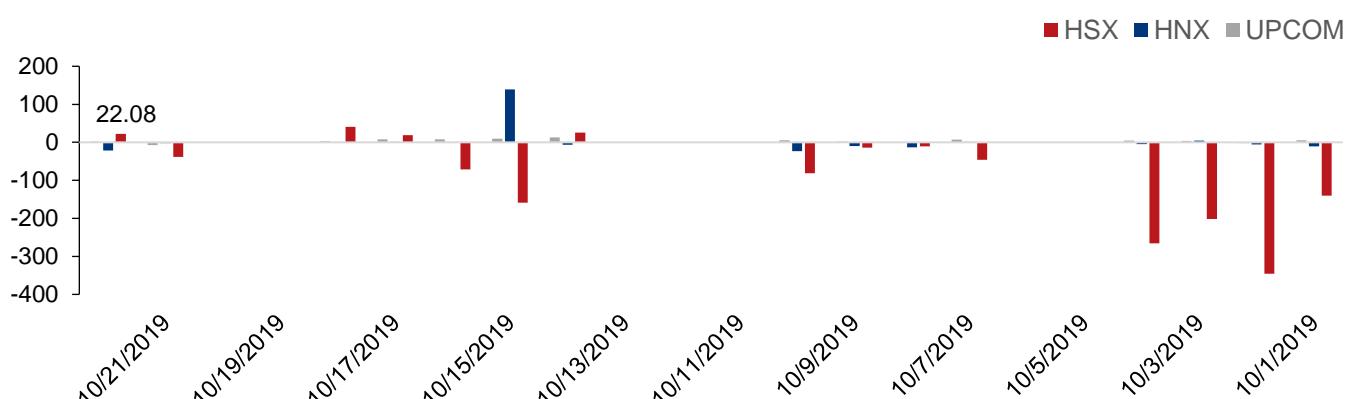
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	102100.00
NHP	0.40	-20.00	0.00	134600.00
HKB	0.60	-14.29	-0.01	41300.00
SIC	9.00	-10.00	-0.01	7900.00
NBW	26.50	-9.86	-0.01	1000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tài báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Macro Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.0	2,582	7.4	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.1	3,678	10.3	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.4	3,304	22.5	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	132.5	5,465	24.2	8.1	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,887	7.7	1.6	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.1	5,261	6.9	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	77.9	14,958	5.2	1.5	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,076	4.1	0.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.5	4,469	5.3	1.2	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.1	1,098	12.8	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.4	5,270	16.2	3.9	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.8	1,723	13.8	1.8	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.9	3,215	7.1	1.4	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	53.7	2,801	19.2	3.2	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.7	1,888	14.1	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.2	3,391	8.0	2.0	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.3	4,349	12.9	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.2	649	20.3	1.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	123.1	7,893	15.6	5.2	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	83.0	4,839	17.2	4.5	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu



BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q4	3/10/2019	<p>Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500</p> <p>Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm se đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa số nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cu~, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.</p> <p>Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 24650</p> <p>Về định hướng 3 năm tới Phát triển khu công nghiệp (1 cụm vs 1 khu KCN): (1) Cách ghi nhận: đều từng năm (2) 1 cụm 48 ha ở Tân An Vinh Cửu để #ây dựng cho thuê. Giá cho thuê quanh đó: 55 USD/50 năm. (3) 1 khu 640 ha (đang trình thủ tướng thành 750 ha): mới hoàn thành 14 ha. Năm 2020 đột biến về DT: (1) Ghi nhận doanh thu BOT 319 Nhơn Trạch (2) Ghi nhận dự án Bất động sản Khu dân cư (Lợi nhuận 30%). CTI phụ trách thi công hạ tầng, giao đất, hiện đang tìm đối tác phân phối độc quyền. DT dự kiến ghi nhận là 1,300 tỷ. (3) Dự kiến ghi nhận Nhà ở xã hội: đã bán và đóng thuế tạm tính nhưng chưa ghi nhận doanh thu (330 tỷ - 2 block).</p>
Express CTI 2019Q4	2/10/2019	<p>Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23450</p> <p>Kết quả kinh doanh Q3.2019 (1) DT Q3 337 tỷ LNTT 74 tỷ (2) Dự kiến LNTT kế hoạch 2020 250 bil (3) Hoàn thành dự án thay thế điện phân và duy trì được sản lượng ổn định và tăng công suất 10 – 15%. Về giá bán các sản phẩm giá bán vẫn cạnh tranh với xút nhập khẩu (1) Giá xút nhập khẩu giảm do dư cung ở thị trường thế giới với mức 12,253,000 VND/tấn với xút 100%. (2) Giá Axit clo 2,354,000 vnd/tấn +16% YoY. (3) Các sản phẩm khác giá bán duy trì, không thấp hơn so với 2018</p>
Express CSV 2019Q4	30/9/2019	<p>Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 79500</p> <p>Về hoạt động kinh doanh Q4.2019: (1) Giá bán của các thị trường bình ổn như Q3. (2) Hợp đồng ký trong Q4 đã hoàn tất và dự kiến sản lượng ký bán tăng khá nhiều (mùa tiêu thụ như VHC kỳ vọng). (3) Số T7 + T8 giảm (chứ ko tăng như kỳ vọng trước của công ty) do việc đẩy sản lượng Trung Quốc để bù phần của Mỹ không được như kỳ vọng (do văn hóa khác nhau). (4) Các hợp đồng ký cho năm 2020 đang được thương thảo: giá kỳ vọng ổn định</p>
Express VHC 2019Q4	27/9/2019	<p>Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200</p> <p>Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bò mè, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phủ) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn /ngày</p>
Express ANV 2019Q4	25/9/2019	<p>Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200</p> <p>Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bò mè, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phủ) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn /ngày</p>

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Või, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

**Đối với KHTC mời liên lạc:**

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn